TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-PT
Ngày: 06/01/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Bà Phan Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1236/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 487/2025/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7286/2025/QĐPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23340/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 200/1F đường Ng, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Dũng S, sinh năm 1998 hoặc bà Bùi Công Phú H, sinh năm 1996 hoặc ông Bùi Bảo T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 200/1F đường Ng, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 003344 quyển số 02/2025/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/5/2025 do Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thị Diệu Th - Công ty Luật TNHH Mắt Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 200/1F đường Ng, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông Đặng Trần K, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Căn hộ số 22, tầng 23, Block HQ4, Chung cư H, Lô CC1, đường N, khu phố 54, phường B (xã A, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1950.

Địa chỉ liên hệ: Số 200/1F đường Ng, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1982.

Địa chỉ liên hệ: Số 200/1F đường Ng, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Lương có ông Trần Dũng Sỹ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha ruột của ông L là ông Nguyễn Văn L1 trước đây có quen biết và hợp tác làm ăn với ông Đặng Trần K. Năm 2005, ông L1 cùng ông K, bà Đỗ Bích Nhung góp vốn thành lập Công ty Cổ phần kinh doanh địa ốc Đ.

Năm 2007, ông K có gợi ý ông L1 hùn tiền mua 02 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông L không biết rõ vị trí đất, số tờ, số thửa, diện tích, việc hùn tiền mua đất chỉ là thỏa thuận miệng giữa ông K và ông L1. Do ông L đã trưởng thành nên ông L1 cũng muốn mua 02 lô đất để cho ông L cùng anh trai ông L xây nhà và lập gia đình. Theo đó, để làm tin cho việc hùn tiền mua đất, ngày 05/02/2007, ông K đã ký giấy Biên nhận có mượn của ông Nguyễn Văn L số tiền 271.250.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Mặc dù ký giấy Biên nhận xác nhận mượn tiền của ông L nhưng thực chất đây đều là tiền của ông Nguyễn Văn L1 hùn vốn cho ông Đặng Trần K. Ông Đặng Trần K hứa trong vòng 06 tháng nếu không thể hoàn thành thủ tục để bán 02 lô đất cho ông L1 thì sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông L1 nên trong giấy Biên nhận có ghi "Hẹn trong vòng 6 tháng hai bên sẽ thanh toán trả hết số nợ này". Nhưng từ khi ký giấy Biên nhận đến nay ông K không hoàn tất thủ tục cũng như không tiến hành bán 02 lô đất nào cho ông L1 cả.

Sau nhiều lần yêu cầu ông K thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, đến ngày 20/6/2023, ông Đặng Trần K mới chỉ trả cho ông L số tiền là 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị L2 là em gái của ông L.

Như vậy, tính đến nay, ông Đặng Trần K còn đang giữ của ông Nguyễn Văn L1 số tiền là: 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Xét thấy thời gian đã quá lâu và việc mua đất không có khả năng thực hiện, ông L khởi kiện ông K, ông L yêu cầu ông Đặng Trần K trả lại số tiền nêu trên cho cha ông L là ông Nguyễn Văn L1.

Bên cạnh đó, ông K đã giữ số tiền nêu trên của ông Nguyễn Văn L1 rất lâu, gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình ông, làm xào xáo gia đình, khiến ông L không thể xoay xở khi gặp sự kiện cấp thiết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và sinh hoạt của gia đình ông L.

Do đó, nay ông L yêu cầu xem xét giải quyết nội dung sau:

1. Buộc ông Đặng Trần K trả lại cho ông L số tiền đã nhận theo Biên nhận ngày 05/02/2007 là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Buộc ông Đặng Trần K chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L do đã giữ số tiền của ông L quá lâu mà không thể thực hiện nghĩa vụ, tính theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (06/8/2007) đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 06/8/2025 là: 171.250.000 x 10%/năm x 18 năm = 308.250.000 đồng (Ba trăm linh tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng, ông Đặng Trần K phải thanh toán cho ông L số tiền là: 479.500.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu:

1. Buộc ông Đặng Trần K trả lại cho ông L số tiền đã nhận theo Biên nhận ngày 05/02/2007 là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Buộc ông Đặng Trần K chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L do đã giữ số tiền của ông L quá lâu mà không thể thực hiện nghĩa vụ, tính theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (21/6/2023) đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 171.250.000 x 10%/năm x 02 năm 02 tháng 26 ngày = 38.428.500 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng, ông K phải thanh toán cho ông L số tiền là: 209.678.500 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Không có việc cấn trừ đất cho ông L vào năm 2009 như phía ông K trình bày. Ông L1, ông L không có nhận bất kỳ diện tích đất nào do ông K chuyển nhượng.

Bị đơn ông Đặng Trần Kết trình bày:

Nguồn gốc tài sản tranh chấp (tiền mượn nợ): Vào năm 2005 ông K và ông Nguyễn Văn L1 (Bố ông Nguyễn Văn L – nguyên đơn trong vụ kiện) cùng góp vốn mua nhà đất, ông L1 góp 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Đến năm 2007 ông L1 yêu cầu ngưng hợp tác mua đất chung, ông K đồng ý và

ông L1 để lại phần vốn góp cộng thêm lãi bảo toàn vốn thành tiền 540.000.000 đồng (có số lẻ), ông K ký nhận phần nợ này với hai con ông L1 vào ngày 05/02/2007. Cụ thể: Ông K nợ ông Nguyễn Văn L (nguyên đơn): 271.250.000 đồng; ông K nợ ông Sùng là 272.000.000 đồng.

Như vậy kể từ ngày 05/2/2007 phát sinh quan hệ giữa ông K và ông L là quan hệ chủ nợ và người thiếu nợ là ông K, ông L1 không còn liên quan đến việc này.

Sáu tháng sau ngày ký giấy nợ này các bên đồng ý gia hạn bởi lúc đó ông không có số tiền thanh toán toàn bộ cho phía ông L.

Năm 2009, khi xác định ông K có tài sản (1.000m^2 đất được thưởng tại phường Tân Tạo, Bình Chánh) là đất đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L, ông Sùng và ông L1 ép ông K ký giao cho ông L 150m^2, ông Sùng 150m^2. Hai bên lập thỏa thuận và xác định mọi giao dịch mượn tiền năm 2007 kể trên hủy bỏ. Như vậy quan hệ mượn tiền giữa ông K và ông L đã giải quyết xong chấm dứt nợ nần từ năm 2009.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông L. Ông K yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Lê trình bày:

Ông là cha ruột của ông Nguyễn Văn L, trước đây ông có quen biết và hợp tác làm ăn với ông Đặng Trần K. Năm 2005, ông cùng ông K và bà Đỗ Bích Nhung góp vốn thành lập Công ty Cổ phần kinh doanh địa ốc Đ.

Năm 2007, ông K có gợi ý cho ông hùn tiền mua 02 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc hùn tiền mua đất chỉ là thỏa thuận miệng. Do các con đã trưởng thành nên ông cũng mong muốn mua 02 lô đất để con ông xây nhà và lập gia đình. Theo đó, để làm tin cho việc hùn tiền mua đất, ngày 05/02/2007, ông K đã ký giấy Biên nhận có mượn của ông Nguyễn Văn L số tiền 271.250.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Mặc dù ký giấy Biên nhận xác nhận mượn tiền của ông L nhưng thực chất đây đều là tiền hùn vốn cho ông Đặng Trần K. Ông Đặng Trần K hứa trong vòng 06 tháng nếu không thể hoàn thành thủ tục để bán 02 lô đất cho ông thì sẽ hoàn trả số tiền trên nên trong giấy Biên nhận có ghi "Hẹn trong vòng 6 tháng hai bên sẽ thanh toán trả hết số nợ này". Nhưng từ khi ký giấy Biên nhận đến nay ông K không hoàn tất thủ tục cũng như không tiến hành bán 02 lô đất nào cho ông.

Sau nhiều lần yêu cầu ông K thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, đến ngày 20/6/2023, ông Đặng Trần K mới chỉ trả cho ông L số tiền là 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị L2 là con gái của ông). Như vậy, tính đến nay, ông Đặng Trần K còn đang giữ số tiền là 171.250.000 đồng.

Không có việc cấn trừ đất cho ông L vào năm 2009 như phía ông K trình bày. Ông L1, ông L không có nhận bất kỳ diện tích đất nào do ông K chuyển

nhượng. Do đó, ông đề nghị Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Là trình bày:

Bà L2 em ruột của ông Nguyễn Văn L, việc ông K, và ông L vay mượn hay góp vốn làm ăn như thế nào thì bà không biết, nhưng ngày 20/6/2023 cha bà L2 ông Nguyễn Văn L1 có nói cho ông mượn số tài khoản để ông Đặng Trần K chuyển khoản trả cho ông L số tiền 100.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà, bà đồng ý và ông K đã thực hiện chuyển khoản cụ thể như sau: Thời gian thực hiện vào lúc 19:53:36 giây ngày 20/06/2023 từ tài khoản 0939527979 tên DANG TRAN KET tới tài khoản 36810000502311 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tên Nguyễn Thị L2, bà có nhận được số tiền 100.000.000 đồng, nội dung: DANG TRAN KET chuyển khoản. Sau đó bà có rút ra đưa anh bà L2 ông L 100.000.000 đồng. Sau đó hai bên tranh chấp như thế nào thì bà không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 487/2025/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Trần K.

Buộc ông Đặng Trần K có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền nợ gốc là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 21/6/2023 đến ngày 16/9/2025 là 38.428.500 (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng), tổng cộng là: 209.678.500 (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Trần K.

2.2. Hoàn lại số tiền tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn L đã nộp là 11.590.000 (mười một triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052684 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) sang tiền án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành bản án, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2025, bị đơn ông Đặng Trần K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do sơ thẩm có nhiều sai sót về xác định đánh giá chứng cứ, bỏ lọt chứng cứ dẫn đến tuyên xử không khách quan, toàn diện và công bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được bảo đảm để thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được bảo đảm.

- Về nội dung kháng cáo: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện theo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đã bảo đảm quy định, việc tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm đã được tuân thủ pháp luật. Không có vi phạm về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại giai đoạn phúc thẩm, các đương sự có liên quan đến nội dung kháng cáo đều đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm, nhưng tại phiên tòa mở lần thứ hai hôm nay, có đương sự là người không kháng cáo vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những đương sự này.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn cho rằng cùng lúc với vụ kiện này còn có vụ do ông Nguyễn Văn Sùng (là anh em ruột với nguyên đơn Nguyễn Văn L) kiện bị đơn ông Đặng Trần K, có nội dung tranh chấp tương tự vụ án này và Tòa án khu vực 10 đã quyết định đình chỉ với lý do quá thời hiệu khởi kiện, vì vậy vụ án này cũng phải được đình chỉ. Xét thấy, tại Quyết định phúc thẩm số 1488/2025/QĐ-PT ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy quyết định đình chỉ của cấp sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án, vì vậy đây không là căn cứ để đình chỉ việc giải quyết vụ án như trình bày của bị đơn.

[3] Căn cứ trình bày của các đương sự và tài liệu tại hồ sơ vụ án, số tiền nợ theo Biên nhận ngày 05/02/2007, ông K hẹn trong vòng 6 tháng sẽ thanh toán cho ông L. Đến ngày 20/6/2023, ông K trả cho ông L số tiền là 100.000.000 đồng. Sơ thẩm đã áp dụng quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự về bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự là đúng pháp luật. Do đó việc bị đơn kháng cáo cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án là không đúng.

Sơ thẩm buộc ông K phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc là 10%/năm, từ ngày 21/6/2023 đến ngày 16/9/2025 là có căn cứ.

[4] Giai đoạn sơ thẩm, bị đơn Đặng Trần K trình bày khẳng định về số tiền tổng cộng 200.000.000 đồng mà ông K chuyển khoản nhờ qua tài khoản của Nguyễn Thị L2 (con gái ông L1), đây là số tiền ông K chuyển cho ông L1 để hỗ trợ khó khăn cho ông L1 và không liên quan gì đến khoản tiền ông L có tranh chấp tại vụ án (Tại các trang 4, trang 6 trang 7 Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 08 tháng 9 năm 2025 và tại trang 9, trang 10 của Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 16 tháng 9 năm 2025). Tại đơn kháng cáo, ông K cũng xác định số tiền này ông chuyển cho ông L1 thông qua tài khoản bà Nguyễn Thị L2 và khẳng định "*việc chuyển tiền giữa ông Kết với ông Lê thuộc về quan hệ khác, không liên quan tới giấy mượn tiền ngày 05/02/2007 của nguyên đơn*". Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Trần K xác định lại nội dung mà ông trình bày như trên. Xét, việc nguyên đơn thừa nhận số tiền từ ông K đã trả là phù hợp với chứng từ chuyển tiền và có lợi cho bị đơn, đồng thời trình bày của bị đơn nếu được chấp nhận sẽ bất lợi cho bị đơn, trong khi nguyên đơn không kháng cáo và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, do vậy phúc thẩm giữ nguyên nhận định tại bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi cho bị đơn mà không ảnh hưởng đến quyền của các đương sự khác.

[5] Về trình bày của bị đơn cho rằng số tiền mà ông K nợ đã được đối trừ vào tiền ông L1, ông Sùng, ông L mua đất của ông K vào năm 2009. Xét nguyên đơn không thừa nhận sự việc mua đất trừ nợ như ông K trình bày và ông K không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh, vì vậy không có cơ sở để xem xét. Trong trường hợp ông K có tài liệu chứng cứ khác về sự việc này thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác theo quy định chung về quyền khởi kiện. Về tài liệu ghi là "Giấy thỏa thuận" lập ngày 09 tháng 7 năm 2023 chỉ do một bên là ông K đưa ra yêu cầu, phần bên ông L1 đã có ý kiến thể hiện ghi tại văn bản này là "*gia đình chưa hoàn toàn nhất trí*", do vậy tài liệu này không là chứng cứ mang tính chất ràng buộc phải thực hiện giữa các bên.

[6] Từ nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 305, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 157, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 487/2025/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Trần K.

Buộc ông Đặng Trần K có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền nợ gốc là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 21/6/2023 đến ngày 16/9/2025 là 38.428.500 (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng), tổng cộng là: 209.678.500 (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Trần K.

2.2. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn L đã nộp là 11.590.000 (mười một triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052684 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Đặng Trần K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Thanh Hiền **Phan Thị Tú Oanh** **Phạm Hồng Giảng**